

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 28

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 686/QĐ/BNN-TCCB ngày 22/03/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103004779 đăng ký lần đầu ngày 02/07/2004.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101508664, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/02/2020 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 72, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên toàn bộ khối sản xuất, một phần khối văn phòng của Công ty đặt tại Lô 3, CN3, khu công nghiệp Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội và Chi nhánh Hưng Yên địa chỉ tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Thái	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 23/04/2023)
Ông Lê Duy Toàn	Thành viên
Bà Mai Thị Loan	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 23/04/2023)
Ông Nguyễn Đức Lưu	Thành viên
Bà Lê Diễm Thanh	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 23/04/2023)
Ông Vũ Hồng Tuyến	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 23/04/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Duy Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Thái	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Tuyến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 23/04/2023)
Bà Lê Diễm Thanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 23/04/2023)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Quang Hoàn	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 23/04/2023)
Ông Vũ Hồng Hà	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 23/04/2023)
Ông Nguyễn Duy Thanh	Thành viên
Bà Phạm Thị Phúc	Trưởng ban (miễn nhiệm từ ngày 23/04/2023)
Ông Nguyễn Quang Lộc	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 23/04/2023)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2023 cho đến

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 28, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty



Nguyễn Thành Nam

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2023



Số: 015/2023/BCSXHN-HT.00169

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp (gọi tắt là "Công ty") và Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn") được lập ngày 23 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 20/03/2023.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Vấn đề khác (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 12/08/2022.



PHẠM QUANG KHẢI

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 4018-2022-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

- CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		531.600.694.424	598.054.188.083
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	40.338.563.499	109.911.179.864
1. Tiền	111		40.338.563.499	99.911.179.864
2. Các khoản tương đương tiền	112			10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.02	151.000.000.000	34.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		151.000.000.000	34.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.400.280.007	304.855.005.408
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.03	163.974.133.574	300.580.748.897
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.04	3.323.733.927	3.688.233.759
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.05	8.102.412.506	586.022.752
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.06	164.297.816.325	148.672.212.038
1. Hàng tồn kho	141		164.297.816.325	148.672.212.038
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		564.034.593	615.790.773
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.07	564.034.593	615.790.773
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		343.849.006.149	394.694.875.131
I. Tài sản cố định	220		326.207.259.664	371.307.351.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	326.207.259.664	371.307.351.393
- Nguyên giá	222		1.133.435.741.628	1.132.924.428.537
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(807.228.481.964)	(761.617.077.144)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.09	4.011.035.532	11.903.631.292
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.011.035.532	11.903.631.292
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	10.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	10.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.630.710.953	1.483.892.446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.07	3.630.710.953	1.483.892.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		875.449.700.573	992.749.063.214

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		277.651.789.172	400.678.215.633
I. Nợ ngắn hạn	310		276.371.789.172	399.398.215.633
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	76.137.050.407	107.249.692.415
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	570.739.816	459.136.752
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	26.125.687.931	21.010.468.201
4. Phải trả người lao động	314		89.660.405.807	93.225.776.991
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.015.643.286	395.769.300
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	4.516.606.803	5.758.876.576
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	50.547.644.384	119.922.730.679
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17		28.250.151.595
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		27.798.010.738	23.125.613.124
II. Nợ dài hạn	330		1.280.000.000	1.280.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.280.000.000	1.280.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		597.797.911.401	592.070.847.581
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	597.797.911.401	592.070.847.581
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(460.000.000)	(460.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		377.065.026.715	317.137.737.443
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.192.884.686	95.393.110.138
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.775.517.560	12.841.528.445
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		39.417.367.126	82.551.581.693
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		875.449.700.573	992.749.063.214

Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Tạ Thị Tuyết Nga

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thành Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	658.718.081.443	750.399.868.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	848.097.578	188.238.462
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.3	657.869.983.865	750.211.630.533
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	529.717.121.904	627.471.417.038
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		128.152.861.961	122.740.213.495
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	1.701.437.721	1.115.621.819
7. Chi phí tài chính	22	6.6	1.380.245.515	5.749.425.064
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.265.921.536	5.469.933.049
8. Chi phí bán hàng	25	6.9	26.956.615.641	22.855.934.673
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.9	52.710.088.002	48.708.443.235
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.807.350.524	46.542.032.342
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.172.501.049	2.565.159.832
12. Chi phí khác	32	6.8	10.336.873	1.539.209.541
13. Lợi nhuận khác	40		1.162.164.176	1.025.950.291
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.969.514.700	47.567.982.633
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	9.993.902.939	9.513.596.526
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		39.975.611.761	38.054.386.107
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	2.115	2.031
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	2.115	2.031

Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Tạ Thị Tuyết Nga

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thành Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	49.969.514.700	47.567.982.633
2. Điều chỉnh cho các khoản		18.310.519.463	62.997.436.020
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	47.352.053.911	59.354.126.111
- Các khoản dự phòng	03	(28.250.151.595)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.057.304.389)	(1.826.623.140)
- Chi phí lãi vay	06	1.265.921.536	5.469.933.049
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	68.280.034.163	110.565.418.653
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	192.023.965.538	207.626.223.333
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.625.604.287)	(2.790.223.587)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(77.115.301.609)	(167.822.092.137)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.095.062.327)	609.781.305
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.492.446.330)	(4.573.627.938)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.500.970.965)	(8.435.868.795)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(554.860.320)	(1.009.818.654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	160.919.753.863	134.169.792.180
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.272.363.322)	(32.275.501.186)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	363.636.363	750.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	83.000.000.000	52.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.693.668.026	1.076.623.140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(125.215.058.933)	11.551.121.954
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
2. Tiền thu từ đi vay	33	78.173.683.564	212.192.992.870
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(147.548.769.859)	(324.708.775.612)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.902.225.000)	(35.901.825.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(105.277.311.295)	(148.417.607.742)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(69.572.616.365)	(2.696.693.608)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	109.911.179.864	53.422.794.439
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	40.338.563.499	50.726.100.831

Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Tạ Thị Tuyết Nga

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thành Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 686/QĐ/BNN-TCCB ngày 22/03/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103004779 đăng ký lần đầu ngày 02/07/2004, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 25/02/2020 với mã số doanh nghiệp là 0101508664 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn")

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

- In bản đồ, sách báo, văn hóa phẩm, tem nhãn bao bì và các tài liệu phục vụ cho mọi ngành kinh tế;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị ngành in và các dịch vụ liên quan đến ngành in, văn phòng phẩm;
- Thiết kế tạo mẫu in, dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu sắt thép, kim loại màu, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và linh kiện kèm theo; hàng nông sản, nhựa và các sản phẩm từ nhựa;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

Trường hợp chu kỳ kéo dài hơn 12 tháng thì thuyết minh thêm chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

1.6. Cấu trúc tập đoàn

a) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 01/01/2023: 01 công ty con)

- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 01 công ty

- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30/6/2023 là 757 người (tại ngày 01/01/2023 là: 756 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Các công ty con được hợp nhất:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ	
			% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty TNHH Công nghệ Chống giá DAC	Số nhà 72, Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.	100%	100%

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, và Thông tư 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022, và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc ngày 30/6/2023

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng - Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Người sử dụng Báo cáo tài chính này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Tài sản cố định

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.
Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 20 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải | 05 - 08 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

4.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.15 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

4.16 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do đó chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và không trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2023		01/01/2023	
Tiền mặt tại quỹ		1.036.049.830		585.848.646
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		39.302.513.669		99.325.331.218
Các khoản tương đương tiền (*)		-		10.000.000.000
Cộng		40.338.563.499		109.911.179.864

(*) Hợp đồng tiền gửi số 04/2022/HĐTG/NHNo-INN giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hà Nội - PGD Quận Ba Đình và Công ty CP Bao bì và In Nông nghiệp ký ngày 17/10/2022. Số tiền gửi: 10.000.000.000 đồng, lãi suất: 5%/năm, thời hạn gửi: 3 tháng

5.2 . Đầu tư tài chính ngắn hạn	30/6/2023				01/01/2023			
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Giá gốc		Giá trị ghi sổ		Giá gốc		Giá trị ghi sổ	
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	151.000.000.000		151.000.000.000		34.000.000.000		34.000.000.000	
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hà Nội - PGD Quận Ba Đình (*)</i>	151.000.000.000		151.000.000.000		34.000.000.000		34.000.000.000	
Cộng	151.000.000.000		151.000.000.000		34.000.000.000		34.000.000.000	

(*) Các hợp đồng tiền gửi của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hà Nội - PGD Quận Ba Đình, kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng, lãi suất: 4,8%, 5,7%, 6,5% và 7,8%/năm.

5.3 . Phải thu khách hàng ngắn hạn	30/6/2023		01/01/2023	
a) Phải thu khách hàng		163.974.133.574		300.580.748.897
- Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc		26.306.433.650		82.890.420.220
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long		46.972.861.107		48.706.791.625
- Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina		15.573.844.216		38.300.992.919
- Công ty CP Bón đền phích nước Rạng Đông		17.395.850.810		22.767.401.094
- Công ty TNHH Dorco Vina		5.880.200.280		5.346.912.862
- Các khách hàng khác		51.844.943.511		102.568.230.177
Cộng		163.974.133.574		300.580.748.897

5.4 . Trả trước người bán ngắn hạn	30/6/2023		01/01/2023	
a) Trả trước cho người bán		3.323.733.927		3.688.233.759
- IWASAKI HOLDINGS CO.,LTD		1.392.759.000		-
- ELCED E Electronic Laser Consulting Engineering GmbH		727.474.455		-
- Coolibree GMBH		-		2.112.831.151
- Trả trước cho người bán khác		1.203.500.472		1.575.402.608
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		-		-
Cộng		3.323.733.927		3.688.233.759

5.5 . Phải thu khác	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	8.102.412.506	-	586.022.752	-
Phải thu khác	7.868.217.856	-	206.666.142	-
+ VPĐD Công ty Rieckermann GmbH tại Hà Nội (*)	7.411.416.317	-	-	-
+ Phải thu khác	456.801.539	-	206.666.142	-
Tạm ứng	207.250.000	-	359.600.000	-
Dư nợ phải trả, phải nộp khác	26.944.650	-	19.756.610	-
Cộng	8.102.412.506	-	586.022.752	-

(*) Các chi phí liên quan đến việc dừng hợp đồng mua máy bế tự động và ép nhũ MK 1060FC do trong quá trình lắp đặt máy không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6 . Hàng tồn kho	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	136.341.848.649	-	119.353.307.690	-
Công cụ, dụng cụ	2.060.993.332	-	1.950.189.071	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.999.875.330	-	7.809.693.914	-
Thành phẩm	7.634.063.157	-	10.613.785.282	-
Hàng hóa	10.261.035.857	-	8.945.236.081	-
Cộng	164.297.816.325	-	148.672.212.038	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2023: 0 đồng;
Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 30/06/2023: 0 đồng;

5.7 . Chi phí trả trước	30/6/2023	01/01/2023
a, Ngắn hạn	564.034.593	615.790.773
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	564.034.593	615.790.773
b, Dài hạn	3.630.710.953	1.483.892.446
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.630.710.953	1.483.892.446
Cộng	4.194.745.546	2.099.683.219

5.8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	403.386.400.684	702.985.844.853	22.254.491.356	4.297.691.644	1.132.924.428.537
Mua trong kỳ		1.174.153.000	403.642.000	451.818.182	2.029.613.182
Đầu tư XDCB hoàn thành	222.349.000	-	-	-	222.349.000
Số giảm trong kỳ	-	-	1.740.649.091	-	1.740.649.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.740.649.091	-	1.740.649.091
Phân loại lại				-	-
Số dư cuối kỳ	403.608.749.684	704.159.997.853	20.917.484.265	4.749.509.826	1.133.435.741.628
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	170.643.231.348	569.134.694.021	18.199.194.268	3.639.957.507	761.617.077.144
Số tăng trong kỳ	20.866.024.695	25.618.767.850	734.952.674	132.308.692	47.352.053.911
Khấu hao trong kỳ	20.866.024.695	25.618.767.850	734.952.674	132.308.692	47.352.053.911
Số giảm trong kỳ	-	-	1.740.649.091	-	1.740.649.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.740.649.091	-	1.740.649.091
Số dư cuối kỳ	191.509.256.043	594.753.461.871	17.193.497.851	3.772.266.199	807.228.481.964
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	232.743.169.336	133.851.150.832	4.055.297.088	657.734.137	371.307.351.393
Tại ngày cuối kỳ	212.099.493.641	109.406.535.982	3.723.986.414	977.243.627	326.207.259.664

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 30/06/2023 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 593.375.468.009

5.9 . Tài sản dở dang dài hạn	30/6/2023	01/01/2023
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.011.035.532	11.903.631.292
- DA tại khu công nghiệp Phố Nối	1.511.035.532	1.992.214.975
- Đầu tư mua sắm tài sản cố định	2.500.000.000	9.911.416.317
Cộng	4.011.035.532	11.903.631.292

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

b, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
+ Trái phiếu tại ngân hàng Agribank Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	76.137.050.407	76.137.050.407	107.249.692.415	107.249.692.415
- Công ty CP Công nghiệp Giấy Ngọc Việt	24.775.821.941	24.775.821.941	37.285.458.886	37.285.458.886
- Công ty TNHH SAKATA INX Việt Nam	6.647.459.500	6.647.459.500	7.504.875.250	7.504.875.250
- Công ty CP Nhựa RELIABLE (Việt Nam)	2.397.780.792	2.397.780.792	5.845.851.470	5.845.851.470
- Công ty TNHH Thiết bị In và Bao bì	1.577.939.430	1.577.939.430	1.927.853.500	1.927.853.500
- Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo	-	-	1.027.536.099	1.027.536.099
- Công ty TNHH quốc tế Vạn Phú Gia	507.985.810	507.985.810	868.547.560	868.547.560
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	40.230.062.934	40.230.062.934	52.789.569.650	52.789.569.650
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	76.137.050.407	76.137.050.407	107.249.692.415	107.249.692.415

5.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	570.739.816	459.136.752
- Công ty TNHH In và Thiết Kế Thương Hiệu Tuấn Hoàng	249.480.000	-
- Công ty CP Giống Vật Tư Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Việt Nam	68.482.260	-
- Công ty cổ phần dược liệu Gia Định	-	2.450.000
- Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Mỹ Việt	-	120.312.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	252.777.556	336.374.752
Cộng	570.739.816	459.136.752

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/được bù trừ trong kỳ	30/6/2023
Thuế giá trị gia tăng	6.974.690.945	90.727.455.106	86.996.317.527	10.705.828.524
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	6.177.605.698	6.177.605.698	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	9.404.027.283	10.040.830.942	9.450.955.286	9.993.902.939
Thuế thu nhập cá nhân	448.949.875	11.241.303.444	11.429.901.426	260.351.893
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	1.174.193.829	191.389.352	982.804.477
Các loại thuế khác	4.182.800.098	16.133.612	16.133.612	4.182.800.098
Cộng	21.010.468.201	119.377.522.631	114.262.302.901	26.125.687.931

(*) Trong đó:

- Số thuế phải nộp:

+ Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ:

9.993.902.939

+ Chi phí thuế TNDN tăng khi quyết toán thuế TNDN:

15.032.324

+ Chi phí thuế nhà thầu nước ngoài:

31.895.679

Cộng

10.040.830.942

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Số thuế đã nộp/ bù trừ:	
+ Số thuế TNDN đã nộp:	2.500.970.965
+ Số thuế nhà thầu nước ngoài đã nộp:	31.895.679
+ Số TNDN năm 2022 được miễn giảm:	6.918.088.642
Cộng	9.450.955.286

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	30/6/2023	01/01/2023
5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	1.667.109	
Chi phí khác	1.013.976.177	395.769.300
Cộng	1.015.643.286	395.769.300

	30/6/2023	01/01/2023
5.15. Phải trả ngắn hạn khác		
a, Phải trả ngắn hạn khác	4.516.606.803	5.758.876.576
- Kinh phí công đoàn	659.827.836	47.612.754
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	461.608.989	422.877.135
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	3.395.169.978	5.288.386.687
+ Tiền lãi vay phải trả	2.025.062.861	2.253.254.764
+ Phải trả về cổ tức	186.552.500	180.377.500
+ Phải trả phòng Thị trường	179.173.060	1.686.853.060
+ Phải trả phải nộp khác	1.004.381.557	1.167.901.363
b, Phải trả dài hạn khác	1.280.000.000	1.280.000.000
- Nhận ký cược ký quỹ	1.280.000.000	1.280.000.000
Cộng	5.796.606.803	7.038.876.576

5.16. Vay và nợ thuê tài chính	30/6/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2023
16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	50.547.644.384	78.173.683.564	147.548.769.859	119.922.730.679
a, Vay ngắn hạn	50.547.644.384	78.173.683.564	147.548.769.859	119.922.730.679
Ngân hàng NN và PT Nông thôn CN Hà Nội (1)	3.120.485.990	45.589.222.564	132.846.467.253	90.377.730.679
Vay cán bộ nhân viên (2)	47.427.158.394	32.584.461.000	14.702.302.606	29.545.000.000
16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
16.3 Số có khả năng trả nợ	50.547.644.384			119.922.730.679
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	50.547.644.384	-	-	119.922.730.679
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV_2022 03157 ngày 12/10/2022, Hạn mức cấp tín dụng :220.000.000.000 đồng, Thời hạn cho vay: Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 6 tháng, Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày ký đến hết ngày 12/10/2023, Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 2022-2023; Phương thức bảo đảm tiền vay: Nghĩa vụ theo hợp đồng được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm tại các hợp đồng bảo đảm với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 175.262 triệu đồng; Lãi suất vay: theo từng kế ước nhận nợ.
- (2) Vay cán bộ công nhân viên Công ty, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh; Lãi suất vay vốn: 7-8%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

	30/6/2023	01/01/2023
5.17. Dự phòng phải trả		
a, Ngắn hạn		
Quý lương dự phòng	-	28.250.151.595
Cộng	-	28.250.151.595

5.18. Vốn chủ sở hữu

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 01/01/2022	180.000.000.000	-	(460.000.000)	294.760.484.556	75.729.260.886	550.029.745.442
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	22.377.252.887	39.546.024.857	61.923.277.744
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	38.054.386.107	38.054.386.107
Trích các quỹ	-	-	-	22.377.252.887	-	22.377.252.887
Tăng khác	-	-	-	-	1.491.638.750	1.491.638.750
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	64.268.940.288	64.268.940.288
Chia cổ tức	-	-	-	-	35.908.000.000	35.908.000.000
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	25.734.321.326	25.734.321.326
Giảm khác	-	-	-	-	2.626.618.962	2.626.618.962
Số dư 30/06/2022	180.000.000.000	-	(460.000.000)	317.137.737.443	51.006.345.455	547.684.082.898
Số dư 01/01/2023	180.000.000.000	-	(460.000.000)	317.137.737.443	95.393.110.138	592.070.847.581
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	59.927.289.272	39.975.611.761	99.902.901.033
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	39.975.611.761	39.975.611.761
Trích các quỹ	-	-	-	53.009.200.630	-	53.009.200.630
Tăng khác	-	-	-	6.918.088.642	-	6.918.088.642
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	94.175.837.213	94.175.837.213
Chia cổ tức	-	-	-	-	35.908.400.000	35.908.400.000
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	57.841.503.244	57.841.503.244
Giảm khác	-	-	-	-	425.933.969	425.933.969
Số dư 30/06/2023	180.000.000.000	-	(460.000.000)	377.065.026.715	41.192.884.686	597.797.911.401

* Trích quỹ đầu tư phát triển

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	42.508.002.609
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối tại chi nhánh tính đến hết năm 2021	10.283.617.842
- Trích quỹ đầu tư phát triển tại Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	217.580.179
Cộng	53.009.200.630

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2023	01/01/2023
Vốn góp của các cổ đông khác	180.000.000.000	180.000.000.000
Cộng	180.000.000.000	180.000.000.000

18.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	180.000.000.000	180.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	35.908.400.000	35.908.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

	30/6/2023	01/01/2023
18.4. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	46.000	46.000
- Cổ phiếu phổ thông	46.000	46.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.954.000	17.954.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.954.000	17.954.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
5.19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	30/6/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
USD	2.875,95	26.091,38
EUR	529,76	529,76

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán thành phẩm	624.889.801.615	653.827.441.908
- Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	20.897.093.208	40.304.913.094
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.931.186.620	56.267.513.993
Cộng	658.718.081.443	750.399.868.995
6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	848.097.578	188.238.462
Cộng	848.097.578	188.238.462
6.3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	624.041.704.037	653.639.203.446
- Doanh thu thuần bán hàng hóa, vật tư	20.897.093.208	40.304.913.094
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	12.931.186.620	56.267.513.993
Cộng	657.869.983.865	750.211.630.533
6.4. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	506.236.880.834	551.174.403.912
- Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán và cung cấp dịch vụ	23.480.241.070	76.297.013.126
Cộng	529.717.121.904	627.471.417.038
6.5. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.693.668.026	1.076.623.140
- Lãi chênh lệch tỷ giá	7.769.695	38.998.679
Cộng	1.701.437.721	1.115.621.819

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
6.6 . Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	1.265.921.536	5.469.933.049
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	114.323.979	279.492.015
Cộng	1.380.245.515	5.749.425.064
6.7 . Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	363.636.363	750.000.000
Trong đó:		
+ Thu thanh lý, nhượng bán tài sản	363.636.363	750.000.000
+ Giá trị còn lại của tài sản	-	-
- Thu nhập khác	808.864.686	1.815.159.832
Cộng	1.172.501.049	2.565.159.832
6.8 . Chi phí khác		
- Chi phí khác	10.336.873	1.539.209.541
Cộng	10.336.873	1.539.209.541
6.9 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kì	52.710.088.002	48.708.443.235
- Chi phí nhân viên quản lý	33.602.024.136	31.475.775.914
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.790.391.550	11.090.353.165
- Chi phí bằng tiền khác	3.868.789.999	3.123.484.695
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.448.882.317	3.018.829.461
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kì	26.956.615.641	22.855.934.673
- Chi phí nhân viên quản lý	16.989.514.977	10.347.961.635
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.441.967.547	6.713.544.966
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.448.278.497	5.627.020.072
- Chi phí bán hàng khác	76.854.620	167.408.000
6.10 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	49.969.514.700	47.567.982.633
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	49.969.514.700	47.567.982.633
d. Thuế TNDN ={(c)*thuế suất thuế TNDN}	9.993.902.939	9.513.596.526
6.11 . Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông Công ty mẹ	39.975.611.761	38.054.386.107
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.998.780.588	1.587.774.201
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	17.954.000	17.954.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.115	2.031

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Việc tính toán lại mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước tăng từ 2.014 đồng/cổ phiếu lên 2.031 đồng/cổ phiếu.

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023, Công ty đang tạm tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trên cơ sở tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 5% lợi nhuận sau thuế TNDN.

6.12 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	371.890.017.235	447.895.337.020
Chi phí nhân công	126.956.301.158	97.352.394.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.352.053.911	59.354.126.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.448.667.915	73.336.400.063
Chi phí khác bằng tiền	3.947.244.619	3.292.222.695
Cộng	606.594.284.838	681.230.480.716

7 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

7.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

7.3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Thành Nam	Hà Nội	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Diễm Thanh	Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc

3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
b, Lãi vay phải trả			
2	Ông Nguyễn Thành Nam	329.271.233	
c, Lãi vay đã trả			
1	Ông Nguyễn Thành Nam	581.000.000	
2	Bà Lê Diễm Thanh	35.000.000	

3.3 Số dư với các bên liên quan:

TT	Các bên liên quan	30/6/2023	01/01/2023
b, Phải trả tiền vay			
1	Ông Nguyễn Thành Nam	8.300.000.000	8.300.000.000
c, Phải trả tiền lãi vay			
1	Ông Nguyễn Thành Nam	329.271.233	581.000.000
2	Bà Lê Diễm Thanh	-	35.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm 2023:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập
1	Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch HĐQT	1.244.189.662
2	Ông Nguyễn Thành Thái	Phó Chủ tịch, Phó TGD	250.235.885
3	Ông Lê Duy Toàn	Tổng GD, thành viên HĐQT	1.129.399.956
4	Ông Nguyễn Đức Lưu	Thành viên HĐQT	221.730.567
5	Ông Vũ Hồng Tuyến	Phó Chủ tịch, phó TGD (tính đến 23/04/2023)	741.795.751
6	Bà Lê Diễm Thanh	Phó TGD (tính đến 23/04/2023)	264.955.597
7	Bà Mai Thị Loan	Phó TGD	225.859.462
8	Ông Lưu Quang Huân	Trưởng BKS (tính từ 23/04/2023)	120.699.240
9	Bà Phạm Thị Phúc	Trưởng BKS (tính đến 23/04/2023)	46.520.000
10	Ông Nguyễn Duy Thanh	Thành viên ban KS	198.839.118
11	Ông Vũ Hồng Hà	Thành viên ban KS (tính từ 23/04/2023)	38.944.334
12	Ông Nguyễn Quang Lộc	Thành viên ban KS (tính đến 23/04/2023)	117.591.705
Cộng			4.600.761.275



7.4 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7.5 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

7.6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Huệ

Kế toán trưởng

Tạ Thị Tuyết Nga

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thành Nam